

Số: 143/KL-TTr

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2020

TRUNG TÂM THÔNG TIN

ĐẾN Số: 872
Ngày: 14-09-2020
Chuyển: TTK
Số và ký hiệu HS:

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Thực hiện Quyết định số 227/QĐ-TTr ngày 20/7/2020 của Chánh thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, từ ngày 03/8/2020 đến ngày 28/8/2020, Đoàn thanh tra của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTBOXH) tỉnh Quảng Ninh, 02 Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) cấp huyện: Hạ Long và Cẩm Phả; 04 UBND cấp xã: Bạch Đằng, Hà Trung, Cẩm Trung và Cẩm Tây; 01 cơ sở bảo trợ xã hội (sau đây viết tắt là BTXH): Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Ninh; xác minh thực tế 25 đối tượng thuộc 04 đơn vị cấp xã nêu trên, thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2018 đến thời điểm thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 08/9/2020 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTBOXH kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Quảng Ninh là tỉnh phía Đông Bắc Bộ; phía Bắc giáp Trung Quốc với 118,825 km đường biên giới; phía Đông giáp vịnh Bắc Bộ; phía Tây giáp các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Hải Dương; phía Nam giáp thành phố Hải Phòng.

Quảng Ninh có diện tích trên 12.200 km², trong đó trên 6.100 km² đất liền và trên 6.100 km² mặt nước biển; dân số 1,32 triệu người với 22 dân tộc sinh sống. Quảng Ninh có 13 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 04 thành phố, 02 thị xã và 07 huyện; 177 xã, phường, thị trấn. Toàn tỉnh có 1.896 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 0,52%, 6.017 hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 1,64%.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Tại Sở LĐTBOXH tỉnh Quảng Ninh

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách

- Thực hiện các quy định về trợ giúp xã hội (sau đây viết tắt là TGXH) đối với đối tượng BTXH, Sở LĐTBOXH đã tham mưu UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành các văn bản triển khai chính sách đối với đối tượng BTXH, đặc biệt ban hành một số chính sách ưu đãi riêng cho đối tượng hưởng TGXH trên địa bàn: Quyết định

số 236/2017/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 về việc điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp cho các đối tượng bảo BTXH sinh sống tại cộng đồng là 350.000 đồng/người/tháng và các đối tượng đang nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH là 500.000 đồng/người/tháng, cao hơn mức chuẩn quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách TGXH đối với đối tượng BTXH (sau đây gọi tắt là Nghị định 136/2013/NĐ-CP); tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 203/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 về nâng mức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi và Nghị quyết số 229/2019/NQ-HĐND ngày 7/12/2019 về chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh

- Ngoài ra, Sở LĐTBXH đã ban hành nhiều văn bản triển khai, hướng dẫn về công tác TGXH đối với các đối tượng BTXH.

(Chi tiết danh mục văn bản tại Phụ lục số 01 kèm theo)


1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách, pháp luật về TGXH

- Sở LĐTBXH đã phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND cấp huyện thực hiện công tác tuyên truyền nhằm giúp người dân hiểu được các quy định pháp luật, chương trình, đề án về trợ giúp các đối tượng BTXH thông qua nhiều hình thức tuyên truyền: treo băng rôn, khẩu hiệu; đăng thông tin trên các báo trung ương và địa phương; phát trên hệ thống loa truyền thanh của các xã, phường, thị trấn; mở các lớp truyền thông; thông qua các cuộc giao ban, hội nghị.

- Trong 02 năm (2018, 2019): xây dựng 01 phóng sự tuyên truyền về công tác TGXH; 80 lớp báo cáo chuyên đề về TGXH cho 6.400 lượt học sinh trung học cơ sở, 42 lớp tuyên truyền về chính sách đối với người cao tuổi cho 3.102 lượt người, 02 lớp về chính sách TGXH cho 400 cán bộ làm công tác LĐTBXH cấp huyện, cấp xã.

1.3. Hoạt động tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ

Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn về chính sách TGXH cho cán bộ làm công tác xã hội các cấp trong tỉnh: tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về TGXH cho 5.273 lượt cán bộ thuộc phòng LĐTBXH, cán bộ văn hóa xã hội cấp xã, cán bộ các hội, đoàn thể, cộng tác viên công tác xã hội các cấp (năm 2018 là 1.826 lượt người, năm 2019 là 3.447 lượt người); tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức về kỹ năng chăm sóc, phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật, người tâm thần, rối nhiễu tâm chí cho 3.720 lượt đối tượng và gia đình đối tượng (năm 2018 là 2.320 lượt đối tượng, năm 2019 là 1.400 lượt đối tượng).



1.4. Công tác thanh tra, kiểm tra

Trong thời kỳ thanh tra, Sở LĐTBXH đã thực hiện 05 cuộc thanh tra, trong đó 04 cuộc thanh tra về công quản lý, thẩm định, xét duyệt hồ sơ và chi trả chế độ trợ cấp đối với các đối tượng BTXH tại huyện Hải Hà, huyện Hoành Bồ, huyện Tiên Yên và thành phố Uông Bí; 01 cuộc thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại Cơ sở Bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tỉnh Quảng Ninh. Qua kiểm tra, đã ban hành 31 kiến nghị yêu cầu đối tượng thanh tra khắc phục thiếu sót, hạn chế trong việc thực hiện các quy định về TGXH đối với tượng BTXH. Tại thời điểm thanh tra, Phòng LĐTBXH cấp huyện được thanh tra đã thực hiện các kiến nghị và báo cáo kết quả theo quy định.

1.5. Công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị

Trong thời kỳ thanh tra, Sở LĐTBXH đã tiếp nhận 23 đơn của công dân hỏi, đề nghị chính sách về TGXH trên địa bàn tỉnh và đã chuyển đơn, chỉ đạo Phòng LĐTBXH cấp huyện xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Tính đến thời điểm thanh tra, tất cả đơn kiến nghị của công dân đã được giải quyết theo quy định.

1.6. Công tác quản lý đối tượng

- Tính đến thời điểm tháng 6/2020, toàn tỉnh Quảng Ninh có 40.451 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên, chế độ hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng tại cộng đồng, trong đó:

- + Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng: 219 đối tượng.
- + Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học: 134 đối tượng;
- + Người bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo: 71 đối tượng;
- + Người đơn thân nghèo đang nuôi con: 260 đối tượng;
- + Người cao tuổi nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng: 181 đối tượng;
- + Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi lên trở không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng: 14.483 đối tượng;
- + Người cao tuổi đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở BTXH nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng: 6 đối tượng;
- + Người khuyết tật đặc biệt nặng dưới 16 tuổi: 602 đối tượng;
- + Người khuyết tật đặc biệt nặng từ 16 đến 60 tuổi: 1.892 đối tượng;
- + Người khuyết tật đặc biệt nặng từ 60 tuổi trở lên: 1.300 đối tượng;
- + Người khuyết tật nặng dưới 16 tuổi: 1.779 đối tượng;
- + Người khuyết tật nặng từ 16 đến 60 tuổi: 6.873 đối tượng;



+ Người khuyết tật nặng từ 60 tuổi trở lên: 3.306 đối tượng;
 + Hộ gia đình nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: 4.608 đối tượng;

+ Đối tượng bảo trợ xã hội theo chính sách riêng của tỉnh (Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND; Nghị quyết 91/2017/NQ-HĐND; Nghị quyết 229/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh): 4.737 đối tượng.

- Hàng năm, Sở LĐTBXH đã chỉ đạo Phòng LĐTBXH cấp huyện rà soát, thống kê đối tượng BTXH để làm cơ sở tổng hợp, phân loại đối tượng.

- Sở LĐTBXH đã quản lý đối tượng hưởng chế độ BTXH tại cộng đồng thông qua ứng dụng Microsoft excel; quản lý đối tượng đang nuôi dưỡng tại các cơ sở TGXH thông qua phần mềm quản lý của Cục BTXH, Bộ LĐTBXH.

1.7. Việc bố trí kinh phí thực hiện chính sách TGXH

Kinh phí trợ giúp thường xuyên, trợ giúp đột xuất, hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng, nuôi dưỡng tại cơ sở BTXH, chi phí quản lý được thực hiện theo dự toán kinh phí hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Kinh phí theo dự toán được giao: 585.903.727.000 đồng, trong đó: năm 2018 là 218.674.878.000 đồng, năm 2019 là 237.268.233.000 đồng, năm 2020 (tính đến thời điểm thanh tra) là 129.960.616.000 đồng.

- Kinh phí đã thực hiện: 585.903.727.000 đồng (nguồn ngân sách cấp), trong đó: năm 2018 là 218.674.878.000 đồng, năm 2019 là 237.268.233.000 đồng, năm 2020 (tính đến thời điểm thanh tra) là 129.960.616.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

1.8. Việc triển khai các chương trình, đề án liên quan đến việc thực hiện chính sách TGXH

Sở LĐTBXH đã phối hợp với các sở, ban, ngành đoàn thể và các đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện các chương trình, đề án thuộc lĩnh vực TGXH theo từng giai đoạn, cụ thể:

- Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 (Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010): trong 02 năm (2018, 2019), Sở LĐTBXH phối hợp với Trường Đại học Hạ Long tổ chức 02 lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề công tác xã hội cho 150 lượt cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên thôn, khu phố, kinh phí thực hiện 1.917.000.000 đồng; tổ chức 08 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 778 lượt cán bộ hội phụ nữ cấp huyện, cấp xã về chuyên đề công tác xã hội đối với phụ nữ bị buôn bán, phụ nữ bị nhiễm HIV tại các huyện, thị xã, thành phố, kinh phí thực hiện 727.000.000 đồng; tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng cho 225 lượt cán bộ, viên chức, nhân

viên công tác xã hội, cán bộ LĐTBXH cấp huyện, cấp xã, kinh phí thực hiện 359.100.000 đồng.

- Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 (Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012): trong 02 năm (2018, 2019), Sở LĐTBXH phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức 19 lớp bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp làm việc với người khuyết tật cho 2.550 lượt cán bộ phụ nữ, trưởng thôn, bản, khu phố, kinh phí thực hiện 1.366.700.000 đồng; tổ chức 16 lớp tập huấn kỹ năng sống cho 1.600 lượt người khuyết tật và gia đình người khuyết tật, kinh phí thực hiện 1.115.500.000 đồng.

- Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 1215/QĐ-TTg ngày 22/7/2011): trong 02 năm (2018, 2019), Sở LĐTBXH phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức 22 lớp tập huấn hỗ trợ kỹ năng chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí cho 2.120 lượt hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng, kinh phí thực hiện 1.475.300.000 đồng; tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về trợ giúp xã hội và phục hồi đối với người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí cho 200 lượt cán bộ y tế học đường trong các trường mầm non, tiểu học, kinh phí thực hiện 315.800.000 đồng; tổ chức 08 lớp tập huấn kỹ năng quản lý đối tượng cho 720 lượt cộng tác viên, nhân viên y tế thôn bản, kinh phí thực hiện 547.000.000 đồng.

- Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi: trong 02 năm (2018 - 2019), tổ chức 18 cuộc truyền thông, tư vấn và lồng ghép tọa đàm với người cao tuổi về hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi tại 18 xã cho 1.498 người, kinh phí thực hiện 295.500.000 đồng. Phối hợp với Hội người cao tuổi của tỉnh tổ chức 05 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 638 cán bộ làm công tác người cao tuổi cấp huyện, cấp xã, cấp thôn thuộc huyện Đầm Hà, Tiên Yên, Hoành Bồ, Đông Triều và thành phố Uông Bí, kinh phí thực hiện 353.300.000 đồng. Tổ chức 24 lớp tập huấn kỹ năng truyền thông, tư vấn và lồng ghép tọa đàm với người cao tuổi về hoạt động chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi cho 1.760 cán bộ Chi hội người cao tuổi tại các thôn thuộc xã biên giới, hải đảo, kinh phí thực hiện 458.000.000 đồng.

2. Tại 02 UBND cấp huyện và 04 UBND cấp xã

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính sách

- UBND thành phố Hạ Long và UBND thành phố Cẩm Phả đã ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, đơn vị cấp xã nhằm triển khai chính

sách TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn; chỉ đạo Phòng LĐTBXH ban hành các văn bản triển khai thực hiện.

- UBND phường Bạch Đằng và Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long; UBND phường Cẩm Trung và Cẩm Tây thuộc thành phố Cẩm Phả, đã thực hiện các quy định về chính sách TGXH trực tiếp đến đối tượng thuộc phạm vi quản lý; thành lập, kiện toàn Hội đồng xác định mức độ khuyết tật (sau đây viết tắt là HỖXĐMĐKT) và Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội (sau đây viết tắt là HỖXDTGXH).

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách, pháp luật về TGXH

- Tại UBND thành phố Hạ Long: thực hiện công tác tuyên truyền thông qua các hội nghị, các cuộc giao ban và hệ thống loa truyền thanh của các xã, phường; đã tổ chức 15 hội nghị tuyên truyền cho 2.500 lượt trưởng khu phố, cộng tác viên khu phố, tổ trưởng tổ dân phố, hộ gia đình có người khuyết tật.

- Tại UBND thành phố Cẩm Phả: thực hiện công tác tuyên truyền qua hình thức treo khẩu hiệu, băng rôn, phát tài liệu tuyên truyền, đăng thông tin trên cổng thông tin điện tử thành phố, lồng ghép nội dung tại các cuộc họp, chương trình hoạt động của các đoàn thể (Ủy ban mặt trận tổ quốc, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Liên đoàn lao động), thông qua hệ thống loa truyền thanh IPFM từ thành phố đến các thôn, khu phố. Phối hợp với Sở LĐTBXH tổ chức 08 hội nghị tuyên truyền cho 1.192 lượt cán bộ là công tác LĐTBXH các xã, phường, các cộng tác viên và đối tượng thụ hưởng chính sách TGXH.

- Tại UBND phường Bạch Đằng và Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long, UBND phường Cẩm Trung và Cẩm Tây thuộc thành phố Cẩm Phả: thực hiện công tác tuyên truyền thông qua các buổi sinh hoạt chi bộ, hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban với các khu, tổ dân phố.

2.3. Hoạt động tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ

- UBND thành phố Hạ Long: cử 46 lượt cán bộ phòng LĐTBXH và cán bộ xã, phường tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác BTXH do Sở LĐTBXH tổ chức. Chủ trì tổ chức 11 lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác BTXH cho 1.780 lượt lãnh đạo khu phố, tổ dân phố, công tác viên xã hội, HỖXDTGXH, HỖXĐMĐKT cấp xã và hộ gia đình nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng.

- UBND thành phố Cẩm Phả: cử 52 lượt cán bộ phòng LĐTBXH và cán bộ xã, phường tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác BTXH do Sở LĐTBXH tổ chức. Chủ trì tổ chức 06 lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác BTXH cho 828 lượt lãnh đạo khu phố, tổ dân phố, công tác viên xã hội, HỖXDTGXH, HỖXĐMĐKT cấp xã và hộ gia đình nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng.

- UBND thành phố Hạ Long và Cẩm Phả: đã chỉ đạo Phòng LĐTBXH hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ cho hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH về chế độ dinh dưỡng phù hợp; sắp xếp nơi ở, trợ giúp sinh hoạt cá nhân; tư vấn, đánh giá tâm lý, sinh lý; chính sách, pháp luật liên quan; các nghiệp vụ liên quan khác.

2.4. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Hàng năm, UBND thành phố Hạ Long đã chỉ đạo Phòng LĐTBXH xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát về việc thực hiện chính sách TGXH; trong thời kỳ thanh tra, đã tổ chức 02 cuộc kiểm tra đối với các xã, phường trên địa bàn thành phố (năm 2018: 20 phường; năm 2019: 20 phường).

- Năm 2019, Hội đồng nhân dân thành phố Cẩm Phả đã thực hiện 02 cuộc giám sát, cụ thể:

+ 01 cuộc giám sát công tác trợ giúp người nghèo (trong đó có đối tượng BTXH);

+ 01 cuộc giám sát công tác thực hiện chính sách bảo hiểm y tế (trong đó có đối tượng BTXH).

2.5. Công tác tiếp nhận, xử lý, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo và phản ánh, kiến nghị

- Tại UBND thành phố Hạ Long: trong thời kỳ thanh tra, trên địa bàn thành phố không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo hoặc phản ánh, kiến nghị liên quan đến TGXH đối với đối tượng BTXH.

- Tại UBND thành phố Cẩm Phả: trong thời kỳ thanh tra, UBND thành phố đã tiếp nhận 02 đơn của công dân về lĩnh vực BTXH. UBND thành phố đã chỉ đạo Phòng LĐTBXH giải quyết theo quy định, không còn đơn tồn đọng, cụ thể:

+ Đơn của bà Mai Thị Lan, cư trú tại khu Bắc Sơn, phường Cẩm Sơn đề nghị giải quyết chính sách người cao tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo;

+ Đơn của bà Nguyễn Thị La, cư trú tại tổ 6, khu phố 2, phường Cẩm Trung đề nghị trợ giúp đột xuất.

2.6. Công tác quản lý đối tượng

- Tổng số đối tượng hưởng trợ cấp BTXH thường xuyên (tính đến tháng 3/2020) trên địa bàn thành phố Hạ Long là 6.026 đối tượng và thành phố Cẩm Phả là 3.245 đối tượng.

- Hàng năm, UBND thành phố Hạ Long và Cẩm Phả đã rà soát, phân loại đối tượng, thực hiện TGXH; việc áp dụng hệ số, mức hưởng cho các nhóm đối tượng đảm bảo quy định.

- Phòng LĐTBXH thành phố Hạ Long và Cẩm Phả quản lý đối tượng trên địa bàn thông qua ứng dụng Microsoft excel và hồ sơ đối tượng, có cập nhật các thông tin liên quan đến đối tượng (năm sinh, diện đối tượng hưởng, mức hưởng).

- Phòng LĐTBXH thành phố Hạ Long và Cẩm Phả đã theo dõi tăng, giảm đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, đối tượng thôi hưởng, đối tượng có sự thay đổi điều kiện hưởng và hỗ trợ chi phí mai táng khi đối tượng từ trần theo quy định.

- Tại UBND phường Bạch Đằng và Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long; UBND phường Cẩm Trung và Cẩm Tây thuộc thành phố Cẩm Phả, đã quản lý đối tượng thông qua sổ quản lý và ứng dụng Microsoft excel, có cập nhật biến động tăng, giảm đối tượng.

2.7. Công tác tiếp nhận, xét duyệt, thẩm định hồ sơ và ban hành quyết định TGXH

2.7.1. Xác lập, xét duyệt hồ sơ tại UBND cấp xã

Kiểm tra toàn bộ việc xác lập, xét duyệt hồ sơ hưởng trợ cấp BHXH hàng tháng phát sinh trong thời kỳ thanh tra tại 04 đơn vị cấp xã, phát hiện 09 trường hợp được UBND cấp xã xác lập hồ sơ trình UBND thành phố quyết định điều chỉnh nhóm đối tượng chậm thời điểm theo quy định, cụ thể:

- Tại phường Bạch Đằng thuộc thành phố Hạ Long: 02 đối tượng.
- Tại phường Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long: 04 đối tượng.
- Tại phường Cẩm Tây thuộc thành phố Cẩm Phả: 03 đối tượng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo)

2.7.2. Thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định hưởng trợ cấp tại UBND cấp huyện

a) Tại UBND thành phố Hạ Long

- Trong thời kỳ thanh tra, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành 4.304 quyết định đối với đối tượng BHXH, cụ thể:

- + 448 quyết định hỗ trợ chi phí mai táng;
- + 07 quyết định hỗ trợ người bị thương nặng;
- + 06 quyết định hỗ trợ người bị chết;
- + 03 quyết định hỗ trợ lương thực;
- + 01 quyết định hỗ trợ nhà ở 01 hộ gia đình;
- + Xét duyệt cho hưởng trợ cấp mới: 2.391 người (năm 2018 là 1.076 người, năm 2019 là 670 người, năm 2020 là 645 người);
- + Xét duyệt cắt giảm trợ cấp: 1.100 người (năm 2018 là 388 người, năm 2019 là 421 người, năm 2020 là 291 người);

+ Xét duyệt điều chỉnh tăng, giảm trợ cấp: 348 người (năm 2018 là 185 người, năm 2019 là 122 người, năm 2020 là 41 người).

- Kiểm tra 2.391 quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, 348 quyết định điều chỉnh hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, kết quả:

+ Chậm điều chỉnh trợ cấp đối với 40 đối tượng khi thay đổi điều kiện hưởng (Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

+ Xác định sai thời điểm hưởng trợ cấp đối với 05 đối tượng, dẫn đến đối tượng hưởng thiếu tiền trợ cấp (Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo).

b) Tại UBND thành phố Cẩm Phả

- Trong thời kỳ thanh tra, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành 2.398 quyết định đối với đối tượng bảo trợ xã hội, cụ thể:

+ 323 quyết định hỗ trợ chi phí mai tang;

+ 13 quyết định hỗ trợ người bị thương nặng;

+ 47 quyết định hỗ trợ người bị chết;

+ Xét duyệt cho hưởng trợ cấp mới: 1.142 người (năm 2018 là 393 người, năm 2019 là 394 người, năm 2020 là 355 người);

+ Xét duyệt cắt giảm trợ cấp: 702 người (năm 2018 là 288 người, năm 2019 là 221 người, năm 2020 là 193 người);

+ Xét duyệt điều chỉnh tăng, giảm trợ cấp: 171 người (năm 2018 là 51 người, năm 2019 là 47 người, năm 2020 là 73 người).

- Kiểm tra 1.142 quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, 171 quyết định điều chỉnh hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: chậm điều chỉnh trợ cấp đối với 02 đối tượng (Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo).

2.8. Việc lưu hồ sơ đối tượng

- Tại UBND thành phố Hạ Long và Cẩm Phả: hồ sơ lưu giữ đầy đủ, chia theo nhóm đối tượng, thuận tiện cho việc tra cứu, quản lý, khai thác.

- Tại UBND phường Bạch Đằng và Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long; UBND phường Cẩm Trung và Cẩm Tây thuộc thành phố Cẩm Phả: hồ sơ được lưu đầy đủ, chia theo nhóm đối tượng, thuận tiện trong quá trình theo dõi, quản lý, khai thác.

2.9. Công tác chi trả chế độ trợ giúp

- Trong thời kỳ thanh tra, việc chi trả trợ cấp cho đối tượng BTXH tại cộng đồng do hệ thống Bưu điện tỉnh Quảng Ninh thực hiện trên cơ sở danh sách đối tượng và kinh phí do Phòng LĐTBXH cấp huyện rà soát, cung cấp hàng tháng. Kiểm tra chứng từ chi trả tại thành phố Hạ Long và Cẩm Phả, có sự trùng khớp về thời điểm hưởng, mức hưởng, quyết định hưởng trợ cấp, quyết định điều

chính với danh sách chi trả trợ cấp. Danh sách chi trả hàng tháng có đầy đủ chữ kí người nhận hoặc điểm chỉ.

- Kiểm tra việc chi trả cho đối tượng 06 tháng đầu năm 2020, Bưu điện thành phố Hạ Long chưa thanh toán kịp thời cho 222 người, số tiền chưa chi là 130.555.000 đồng, cụ thể:

- + Tháng 01: 27 người, số tiền 18.375.000 đồng;
- + Tháng 02: 81 người, số tiền 44.845.000 đồng;
- + Tháng 3: 41 người, số tiền 25.900.000 đồng;
- + Tháng 4: 20 người, số tiền 16.945.000 đồng;
- + Tháng 5: 21 người, số tiền 11.115.000 đồng;
- + Tháng 6: 32 người, số tiền 13.825.000 đồng.

- Kiểm tra việc chi trả cho đối tượng 08 tháng đầu năm 2020, Bưu điện thành phố Cẩm Phả chưa thanh toán kịp thời cho 1.166 người, số tiền chưa chi là 1.510.564.000 đồng, cụ thể:

- + Tháng 01: 126 người, số tiền 231.811.000 đồng;
- + Tháng 02: 126 người, số tiền 231.811.000 đồng;
- + Tháng 3: 242 người, số tiền 318.385.000 đồng;
- + Tháng 4 và tháng 5: 186 người, số tiền 314.810.000 đồng;
- + Tháng 6: 241 người, số tiền 237.335.000 đồng;
- + Tháng 7: 135 người, số tiền 110.192.000 đồng;
- + Tháng 8: 110 người, số tiền 66.220.000 đồng

- Các trường hợp hỗ trợ kinh phí mai táng đã được UBND cấp xã xác lập hồ sơ đề nghị Phòng LĐTBXH thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định hỗ trợ chi phí mai táng kịp thời cho đối tượng.

- Bưu điện thành phố Hạ Long và thành phố Cẩm Phả chưa thực hiện sao gửi UBND cấp xã bản tổng hợp danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi trả và danh sách đối tượng chưa nhận tiền để chuyển chi trả vào tháng sau theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 9 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý, theo dõi đối tượng của cấp xã.

2.10. Việc bố trí kinh phí thực hiện chính sách TGXH

- Ngoài nguồn kinh phí trợ giúp xã hội thường xuyên; UBND tỉnh, UBND cấp huyện, xã đã bố trí nguồn kinh phí cho công tác tuyên truyền, xét duyệt, ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ đột xuất và vận động các tổ chức, cá nhân hảo tâm hỗ trợ học bổng, nhà ở, gạo cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn.

- UBND phường Bạch Đằng và Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long đã thanh toán kinh phí xét duyệt cho Chủ tịch, thành viên HỖXĐMĐKT và HỖXDTGXH với mức: Chủ tịch hội đồng 70.000 đồng/buổi, thành viên hội đồng 50.000 đồng/buổi.

- UBND phường Cẩm Tây và Cẩm Trung thuộc thành phố Cẩm Phả đã thanh toán kinh phí xét duyệt cho Chủ tịch, thành viên HỖXDTGXH với mức: Chủ tịch hội đồng 70.000 đồng/buổi, thành viên hội đồng 50.000 đồng/buổi; chưa thanh toán kinh phí xét duyệt cho Chủ tịch, thành viên HỖXĐMĐKT.

2.11. Việc triển khai các chương trình, đề án liên quan đến việc thực hiện chính sách TGXH

2.11.1. Tại UBND thành phố Hạ Long

UBND thành phố đã ban hành kế hoạch và bố trí nguồn kinh phí để triển khai một số đề án liên quan đến chính sách TGXH, cụ thể:

a) Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi

- Năm 2018: UBND thành phố đã thành lập đoàn liên ngành thăm, tặng quà cho 10 cụ tròn 100 tuổi, số tiền là 8.000.000 đồng; thăm, tặng quà cho 1.421 cụ ở các độ tuổi 80, 85, 90, 95, 101 tuổi trở lên, số tiền là 511.500.000 đồng. UBND cấp xã tổ chức thăm, chúc thọ và tặng quà cho 2.053 cụ ở các độ tuổi 70, 75, số tiền là 410.600.000 đồng; tặng quà tết Nguyên đán cho 1.221 người, số tiền là 244.200.000 đồng.

- Năm 2019: UBND thành phố đã thành lập đoàn liên ngành thăm, tặng quà cho 09 cụ tròn 100 tuổi, số tiền là 7.200.000 đồng; thăm, tặng quà cho 1.358 cụ ở các độ tuổi 80, 85, 90, 95, 101 tuổi trở lên, số tiền là 395.900.000 đồng; UBND cấp xã tổ chức thăm, chúc thọ và tặng quà cho 2.013 cụ ở các độ tuổi 70, 75, số tiền là 402.600.000 đồng; tặng quà tết Nguyên đán cho 1.226 người, số tiền là 306.500.000 triệu đồng.

- Năm 2020: UBND thành phố đã thành lập đoàn liên ngành thăm, tặng quà cho 25 cụ tròn 100 tuổi, số tiền là 55.000.000 đồng; thăm, tặng quà cho 2.054 cụ ở các độ tuổi 80, 85, 90, 95, 101 tuổi trở lên, số tiền là 1.982.000.000 đồng; UBND cấp xã tổ chức thăm, chúc thọ và tặng quà cho 2.792 cụ ở các độ tuổi 70, 75, số tiền là 1.454.400.000 đồng; tặng quà tết Nguyên đán cho 2.240 người, số tiền là 560.000.000 đồng.

b) Đề án trợ giúp người khuyết tật:

- UBND thành phố đã chỉ đạo các ngành, UBND cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về người khuyết tật; chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng; trợ giúp tiếp cận giáo dục; dạy nghề, tạo việc làm; trợ giúp pháp lý; nâng cao năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật.

+ UBND thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thăm, tặng quà cho người khuyết tật nhân ngày người khuyết tật Việt Nam và ngày Quốc tế người khuyết tật, cụ thể: năm 2018, thăm tặng quà 4 doanh nghiệp, 60 cá nhân, số tiền là 28.000.000 đồng, tặng quà tết Nguyên đán cho 2.610 người, số tiền là 522.000.000 đồng. Năm 2019, thăm tặng quà 4 doanh nghiệp, 80 cá nhân, số tiền là 48.000.000 đồng, tặng quà tết nguyên đán cho 2.745 người, số tiền là 686.250.000 đồng. Năm 2020, tặng quà 100 cá nhân, số tiền là 50.000.000 đồng; tặng quà tết Nguyên đán cho 3.410 người, số tiền là 852.500.000 đồng.

+ UBND thành phố vận động nguồn xã hội hóa thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 28 gia đình có trẻ mồ côi, có người khuyết tật gặp khó khăn về nhà ở với mức hỗ trợ từ 50.000.000 đồng đến 150 triệu đồng/hộ (tổng số tiền hỗ trợ xây, sửa nhà là 2,1 tỷ đồng); hỗ trợ 120 xe lăn cho 120 người khuyết tật; tặng quà bằng tiền mặt nhân dịp tết Nguyên đán số tiền 350.000.000 đồng.

2.11.2. Tại UBND thành phố Cẩm Phả

UBND thành phố đã ban hành kế hoạch và bố trí nguồn kinh phí để triển khai một số đề án liên quan đến chính sách TGXH, cụ thể:

- Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 29/8/2016 về việc thực hiện Chương trình hành động về người cao tuổi giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 04/8/2017 về thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn giai đoạn 2017-2025; thực hiện Đề án nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau theo Quyết định 1533/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, địa phương hiện có 16 Câu Lạc bộ đang duy trì phát huy hiệu quả tại 16 phường, xã với hơn 927 thành viên; Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 20/9/2019 về việc tổ chức hoạt động truyền thông hưởng ứng ngày quốc tế người cao tuổi năm 2019; tổ chức thăm hỏi, tặng quà người cao tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại các phường, xã và mừng thọ cho 9.708 người cao tuổi, số tiền là 2.808.000.000 đồng. Đã thành lập Ban công tác người cao tuổi để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người cao tuổi trên địa bàn, đã thực hiện thăm tặng quà cho người cao tuổi ngoài độ tuổi được chúc mừng thọ theo quy định, thăm viếng người cao tuổi trên 100 tuổi từ trần: tặng quà cho 178 người cao tuổi 96, 97, 98 và 99 tuổi, số tiền là 71.200.000 đồng nhân dịp ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam 06/6 hàng năm; viếng 08 cụ trên 100 tuổi từ trần.

- Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 31/5/2016 về việc triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020: đã trợ giúp xây mới sửa chữa nhà ở cho 49 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có người khuyết tật, trẻ em mồ côi, hộ có hoàn cảnh khó khăn, số tiền là 1.960.000.000 đồng; thăm tặng quà

tết Nguyên đán, hỗ trợ sản xuất, trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng yếu thế 300.000đ/tháng (tương đương 20 kg gạo). Hiệp hội doanh nghiệp thành phố hàng năm duy trì chương trình “cấp lá yêu thương” trao tặng quà cho 210 trẻ em nghèo, trẻ em khuyết tật, số tiền 366.000.000 đồng.

2.11.3. Tại UBND cấp xã

Tại UBND phường Bạch Đằng và Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long; UBND phường Cẩm Trung và Cẩm Tây thuộc thành phố Cẩm Phả: đã thực hiện lồng ghép các chương trình của Sở LĐTBXH và Phòng LĐTBXH tổ chức (ngày lễ, tết, ngày người cao tuổi Việt Nam, ngày người khuyết tật Việt Nam).

3. Tại Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Ninh

3.1. Việc rà soát các điều kiện đảm bảo hoạt động

Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Ninh (sau đây gọi tắt Trung tâm) chưa được Sở LĐTBXH rà soát các điều kiện đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở TGXH (sau đây gọi tắt là Nghị định 103/2017/NĐ-CP).

3.2. Vị trí và cơ sở vật chất

- Trung tâm có vị trí địa lý thuận lợi gần đường quốc lộ, gần trường học, bệnh viện, có biển hiệu, chỉ dẫn rõ ràng. Có không gian thoáng mát, nhiều cây xanh; có sân chơi và nơi tập thể dục, thể thao cho đối tượng; có hệ thống điện, nước sạch đảm bảo sinh hoạt hàng ngày; rác thải do Công ty Môi trường và Công trình đô thị Ưông Bí thu gom.

- Tổng diện tích đất của Trung tâm là 15.065 m², trong đó diện tích xây dựng là 2.866,4 m², bao gồm các công trình: trụ sở làm việc (02 tầng, gồm 01 phòng họp và 08 phòng làm việc), diện tích 436,8 m²; 05 dãy nhà ở của đối tượng (33 phòng), diện tích 1.414,6 m²; 01 nhà ăn và nhà sinh hoạt chung của đối tượng, diện tích 330 m²; 01 dãy nhà có 05 phòng (04 phòng dành cho đối tượng thu gom, đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp, 01 phòng dành cho công tác chăm sóc y tế - phục hồi chức năng), diện tích 270 m²; 01 nhà sinh hoạt cộng đồng, diện tích 334 m²; 01 nhà tang lễ đối tượng, diện tích 81 m².

- Hệ thống nhà làm việc, nhà ở của Trung tâm kiên cố, đảm bảo an toàn; cửa ra vào, cửa sổ cung cấp đủ ánh sáng và bảo đảm thông thoáng; việc lắp đặt các hệ thống điện, gas và thoát nước phù hợp, đảm bảo an toàn; nhà vệ sinh, nhà tắm phù hợp với các nhóm đối tượng, bao gồm cả người khuyết tật; có nhà vệ sinh, nhà tắm riêng cho phụ nữ; sắp xếp việc ngủ, nghỉ cho đối tượng phù hợp với độ tuổi và giới tính; có khu sinh hoạt chung cho đối tượng; có trang thiết bị cho người khuyết tật và người cao tuổi; các công trình, các trang thiết bị bảo

đảm cho người khuyết tật và người cao tuổi tiếp cận, sử dụng thuận tiện; khu vực nấu ăn đã bố trí đầy đủ các vật dụng cần thiết, sắp xếp ngăn nắp; có thực đơn hàng ngày; bảng công khai tài chính; việc lưu mẫu thức ăn và hủy mẫu lưu theo đúng quy định.

3.3. Bộ máy tổ chức và cán bộ nhân viên

- Trung tâm có đủ bộ máy theo quy định gồm: Ban giám đốc, Phòng Hành chính - Kế toán, Phòng Quản lý và Tư vấn, Phòng Y tế - Phục hồi chức năng, Phòng Chăm sóc tự nguyện.

- Đã bố trí 01 nhân viên tâm lý.

- Đã trả lương cho viên chức theo ngạch bậc; trả lương cho nhân viên hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

- Đã trả đủ các khoản phụ cấp cho công chức, viên chức theo quy định: phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp độc hại, phụ cấp ưu đãi theo nghề.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công chức, viên chức theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm đã cử 33 lượt cán bộ viên chức tham gia các lớp tập huấn do Cục Bảo trợ xã hội, Bộ LĐTBXH và Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ninh tổ chức, tạo điều kiện về thời gian 04 cán bộ viên chức tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Năm 2019, phối hợp với Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh tổ chức đào tạo cho 20 cán bộ viên chức của Trung tâm về kỹ năng chăm sóc phục hồi chức năng cho người tâm thần, người cao tuổi, người rối nhiễu tâm trí.

- Chưa bố trí đủ nhân viên công tác xã hội (thiếu 01 nhân viên).

- Đã bố trí đủ nhân viên y tế (03 nhân viên/104 đối tượng).

- Chưa bố trí đủ nhân viên phụ trách dinh dưỡng (thiếu 03 nhân viên).

- Chưa bố trí đủ nhân viên chăm sóc đối tượng: hiện tại trung tâm đang chăm sóc 46 người khuyết tật nặng không tự phục vụ được cần 12 nhân viên, 58 người cao tuổi và đối tượng khác tự phục vụ được cần 06 nhân viên; Trung tâm hiện có 06 nhân viên chăm sóc, còn thiếu 12 nhân viên.

- Chưa bố trí đủ nhân viên phục hồi chức năng để đảm bảo 01 nhân viên phục hồi chức năng cho tối đa 05 đối tượng; việc phục hồi chức năng do nhân viên y tế đảm nhiệm, hiện tại Trung tâm đang nuôi dưỡng 57 người khuyết tật, cần có 12 nhân viên phục hồi chức năng.

3.4. Công tác tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng

- Đã tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng 104 đối tượng, trong đó: 46 đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống; 11 đối tượng khuyết tật nặng không nơi nương tựa, không tự lo được cuộc sống; 19 đối tượng cô đơn không có điều kiện sống tại cộng đồng; 28 đối tượng tự nguyện.

- Trung tâm quản lý đối tượng bằng phần mềm của Cục BTXH và ứng dụng Microsoft excel, đồng thời mở sổ theo dõi, quản lý đối tượng. Đã cập nhật đầy đủ thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, thời điểm tiếp nhận, thời điểm dừng nuôi dưỡng của đối tượng (chết, tái hòa nhập cộng đồng).

- Hồ sơ của đối tượng được lưu giữ đầy đủ, theo từng năm. Hồ sơ đối tượng được lưu giữ riêng biệt, khoa học, thuận tiện tra cứu, quản lý, khai thác.

- Quy trình nuôi dưỡng đối tượng được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP.

- Đã tiếp nhận thông tin, nhu cầu của đối tượng; tổ chức sàng lọc và phân loại đối tượng; đánh giá về tâm sinh lý, tình trạng sức khỏe và các nhu cầu của đối tượng; thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng; thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá sự tiến triển của đối tượng; giám sát, đánh giá các hoạt động chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc nếu cần thiết.

- Đã tiến hành khám sức khỏe cho các đối tượng khi tiếp nhận vào Trung tâm. Đối với những trường hợp bệnh nặng vượt quá khả năng chữa trị được chuyển lên các bệnh viện tuyến trên, Trung tâm bố trí cán bộ trực tiếp chăm sóc đối tượng trong thời gian điều trị tại cơ sở y tế.

- 100% đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Đã thực hiện phục hồi chức năng cho đối tượng tâm thần và khuyết tật bằng phương pháp tâm lý trị liệu, vận động trị liệu: xe lăn đa năng, máy xoa bóp, giường massage tự động, ngâm chân, xoa bóp bấm huyệt trực tiếp.

- Đã cấp các đồ dùng sinh hoạt, vệ sinh, quần áo: mỗi đối tượng được trang bị 02 đợt quần áo/năm; các vật dụng cần thiết trong sinh hoạt (chăn, màn, chiếu, khăn, kem đánh răng, xà phòng, dép).

- Về dinh dưỡng: mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng đối với đối tượng thực hiện theo Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của UBND tỉnh, với mức chuẩn trợ giúp là 500.000 đồng. Trung tâm tổ chức ăn 03 bữa trong ngày (sáng, trưa, chiều) đảm bảo tiêu chuẩn, chế độ dinh dưỡng cho đối tượng có thực đơn hàng ngày niêm yết tại bếp ăn.

- Đã bố trí khu vực để lao động trị liệu và ký hợp đồng gia công sản phẩm tiền vàng với Công ty TNHH Thương mại THF để tổ chức lao động trị liệu cho các đối tượng.

- Chưa có nội quy riêng của cơ sở trợ giúp xã hội quy định dọn dẹp vệ sinh và vệ sinh cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ LĐTBXH

- Kinh phí thực hiện: tổng thu 35.595.211.155 đồng, trong đó ngân sách nhà nước là 29.641.623.000 đồng; nguồn vận động, tài trợ là 1.571.517.177 đồng; nguồn dư năm 2017 chuyển sang 82.301.978 đồng; nguồn viện trợ ODA 1.156.300.000 đồng. Tổng chi đến thời điểm thanh tra là 28.891.009.000 đồng, trong đó chi cho quản lý hành chính là 11.646.413.000 đồng; chi nuôi dưỡng đối tượng là 9.115.136.000, chi mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cải tạo nhà ở là 8.129.460.000 đồng.

- Trung tâm đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế sử dụng tài sản; quy chế dân chủ ở cơ sở; quy chế quản lý và sử dụng nguồn ủng hộ, từ thiện; quy chế quản lý, tổ chức hoạt động lao động trị liệu.

- Trung tâm chưa lập kế hoạch dùng trợ giúp và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng đối với đối tượng quay về địa phương sinh sống.

4. Xác minh đối tượng

Xác minh 25 đối tượng (07 đối tượng thuộc phường Bạch Đằng; 07 đối tượng thuộc phường Hà Trung; 07 đối tượng thuộc phường Cẩm Trung; 04 đối tượng thuộc phường Cẩm Tây), kết quả: đối tượng đã nhận đủ tiền trợ cấp hàng tháng đến tháng 7/2020 và mức hưởng đúng theo quyết định trợ cấp hàng tháng.

5. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg

5.1. Tại Sở LĐTBXH và các cơ quan liên quan thuộc tỉnh

- Sở LĐTBXH đã tham mưu Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện.

- Đã ban hành văn bản hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện.

- Việc phê duyệt danh sách đối tượng BTXH thuộc diện được hỗ trợ: Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt danh sách đối tượng BTXH được hỗ trợ do ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 trên địa bàn cấp huyện (Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 29/4/2020).

- Kinh phí thực hiện: tại thời điểm thanh tra, trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện xong chính sách hỗ trợ cho 30.035 đối tượng BTXH với tổng số tiền là 44.927.000.000 đồng.

- Về công tác kiểm tra: Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Quyết định số 175/QĐ-MTTQ-BTT ngày 29/5/2020 về việc thành lập 02

đoàn giám sát. Đến thời điểm thanh tra, đã tiến hành giám sát trực tiếp tại 07 huyện, thị xã, thành phố và 109 hộ dân được thụ hưởng chính sách hỗ trợ đối tượng BTXH theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

- Đến thời điểm thanh tra, trên địa bàn tỉnh không có đơn phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối tượng BTXH theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

5.2. Tại thành phố Hạ Long

5.2.1. Tại UBND thành phố

- Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả xét duyệt, thẩm định và chi trả đối tượng BTXH hàng tháng:

+ Tổng số người đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ là 4.936/6.026 người;

+ Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành quyết định phê duyệt danh sách và phân bổ kinh phí cho UBND cấp xã để chi trả hỗ trợ 4.936 người, số tiền là 7.384.000.000 đồng và 375 người theo quy định của tỉnh, số tiền là 280.500.000 đồng (từ nguồn vận động của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh). Tại thời điểm thanh tra, trên địa bàn thành phố đã thực hiện xong việc chi trả cho đối tượng và đảm bảo theo quy định.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc chi trả:

+ Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hạ Long đã lập Kế hoạch số 01/KH-MTTQ-BTT ngày 18/5/2020 về việc giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Đến thời điểm thanh tra, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hạ Long đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện chi trả trên địa bàn 09 xã/phường;

+ Phòng LĐTBXH đã tổ chức kiểm tra tại 33 xã/phường thuộc địa bàn thành phố Hạ Long.

- Đến thời điểm thanh tra, trên địa bàn thành phố không có đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

5.2.2. Tại UBND phường Bạch Đằng

- Tổng số người đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ là 155/191 đối tượng.

- UBND phường Bạch Đằng đã phối hợp bưu điện thành phố Hạ Long thực hiện chi trả cho 155 người, số tiền là 231.500.000 đồng.

5.2.3. Tại UBND phường Hà Trung

- Tổng số người đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ là 144/197 đối tượng.

- UBND phường Hà Trung đã phối hợp bưu điện thành phố Hạ Long thực hiện chi trả cho 144 người, số tiền là 216.000.000 đồng.

5.3. Tại thành phố Cẩm Phả

5.3.1. Tại UBND thành phố

- Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả xét duyệt, thẩm định và chi trả đối tượng BTXH hàng tháng:

+ Tổng số người đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ là 2.483/3.245 người;

+ Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành quyết định phê duyệt danh sách và phân bổ kinh phí cho UBND cấp xã để chi trả hỗ trợ 2.483 người, số tiền là 3.708.000.000 đồng và 186 người theo quy định của tỉnh, số tiền là 139.500.000 đồng (từ nguồn vận động của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh). Tại thời điểm thanh tra, trên địa bàn thành phố đã thực hiện xong việc chi trả cho đối tượng và đảm bảo theo quy định.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc chi trả:

+ Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 về việc thành lập 02 tổ công tác, đoàn kiểm tra, giám sát triển khai chính sách hỗ trợ đối tượng khó khăn do tác động của dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố (giám sát 16/16 xã, phường);

+ Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh giám sát tại UBND thành phố, phường Cẩm Trung và phường Cẩm Thạch theo Thông báo số 154/TB-MTTQ-BTT ngày 29/5/2020;

+ UBND thành phố nhận được 01 đơn hỏi về việc xét duyệt hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, UBND thành phố đã chỉ đạo Phòng LĐTBXH trả lời công dân theo quy định.

5.3.2. Tại UBND phường Cẩm Tây

- Tổng số người đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ là 142/172 (trong đó 20 đối tượng được hỗ trợ từ nguồn vận động của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh).

- UBND phường Cẩm Tây đã phối hợp Bưu điện thành phố Cẩm Phả thực hiện chi trả cho 142 người đủ điều kiện, số tiền là 198.000.000 đồng (trong đó 183.000.000 đồng từ ngân sách; 15.000.000 đồng từ nguồn vận động của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh).

5.3.3. Tại UBND phường Cẩm Trung

- Tổng số người đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ là 200/242 (09 đối tượng từ nguồn vận động của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh).

- UBND phường Cẩm Trung đã phối hợp Bưu điện thành phố Cẩm Phả thực hiện chi trả cho 200 người đủ điều kiện, số tiền là 292.250.000 đồng (trong đó ngân sách nhà nước 285.500.000 đồng; ngân sách của Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh là 6.750.000 đồng).

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về TGXH đối với đối tượng BTXH đã được địa phương thực hiện

1.1. Tại Sở LĐTBXH

- Đã ban hành và tham mưu cho Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện chính sách TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn.

- Đã chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND cấp huyện thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, các chương trình, đề án về TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn.

- Đã quan tâm tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn về chính sách TGXH cho cán bộ làm công tác xã hội các cấp.

- Đã thực hiện 05 cuộc thanh tra, trong đó 04 cuộc thanh tra về công quản lý, công tác thẩm định, xét duyệt hồ sơ, và chi trả chế độ trợ cấp đối với các đối tượng BTXH tại 04 đơn vị cấp huyện và 01 cuộc thanh tra việc thực hiện chức năng nhiệm vụ tại Cơ sở bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tỉnh Quảng Ninh.

- Đã tiếp nhận và xử lý 23 đơn của công dân theo quy định.

- Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý 40.451 đối tượng tại cộng đồng và 104 đối tượng đang nuôi dưỡng tại cơ sở TGXH.

- Đã tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn ngân sách cho công tác BTXH hàng năm trên địa bàn đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

- Đã chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến việc thực hiện chính sách TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn tỉnh.

- Đã tham mưu Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành và chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg.

- Đã chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố chi hỗ trợ cho 30.035 đối tượng BTXH theo Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg.

1.2. Tại UBND thành phố Hạ Long

- Đã ban hành và chỉ đạo Phòng LĐTBXH, UBND cấp xã ban hành văn bản thực hiện chính sách TGXH trên địa bàn.

- Đã tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về TGXH đối với đối tượng BTXH cho trưởng khu phố, cộng tác viên khu phố, tổ trưởng tổ dân, hộ gia đình có người khuyết tật thông qua hội nghị.

- Đã cử cán bộ của Phòng LĐTBXH và cán bộ cấp xã tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác BTXH do Sở LĐTBXH tổ chức. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác BTXH cho lãnh đạo khu phố, tổ dân phố, công tác viên xã hội, HỖXDTGXH, HỖXĐMĐKT và hộ gia đình nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng.

- Đã hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cho hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH về chế độ dinh dưỡng phù hợp; sắp xếp nơi ở, trợ giúp sinh hoạt ca nhân; tư vấn, đánh giá tâm lý, sinh lý; chính sách, pháp luật liên quan; các nghiệp vụ liên quan khác.

- Đã chỉ đạo Phòng LĐTBXH xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát.

- Đã tiến hành rà soát, sắp xếp, phân loại đối tượng, đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý 6.026 đối tượng hưởng trợ cấp BTXH thường xuyên trên địa bàn; đã lưu trữ đầy đủ hồ sơ của đối tượng theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, đã tiếp nhận, xét duyệt, thẩm định và ban hành 4.304 quyết định đối với đối tượng BTXH.

- Đã chỉ đạo phòng LĐTBXH lập sanh sách chi trả, giao kinh phí cho Bureau điện thành phố Hạ Long thực hiện chi trả đến đối tượng; quyết toán kinh phí và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, đã bố trí kinh phí và huy động các nguồn tài trợ thực hiện công tác TGXH đối với đối tượng BTXH.

- Đã ban hành kế hoạch và bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến việc thực hiện chính sách TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn.

- Đã ban hành văn bản và chỉ đạo các xã, phường triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với đối tượng BTXH theo Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg. Đã thẩm định và ban hành quyết định phê duyệt, phân bổ kinh phí cho UBND cấp xã để chi trả hỗ trợ cho 4.936 đối tượng BTXH, số tiền là 7.384.000.000 đồng; 375 người theo quy định của tỉnh, số tiền là 280.500.000 đồng (từ nguồn vận động của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh).

- Đã tổ chức kiểm tra tại 33 xã, phường thuộc địa bàn thành phố trong việc thực hiện chi trả cho đối tượng BTXH.

1.3. Tại UBND thành phố Cẩm Phả

- Đã ban hành và chỉ đạo Phòng LĐTBXH, UBND cấp xã ban hành văn bản thực hiện chính sách TGXH trên địa bàn.

- Đã tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về TGXH đối với đối tượng BTXH cho cán bộ làm công tác LĐTBXH cấp xã, cộng tác viên công tác xã hội và đối tượng thụ hưởng chính sách TGXH thông qua hội nghị.

- Đã cử cán bộ của phòng LĐTBXH và cán bộ cấp xã tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác BTXH do Sở LĐTBXH tổ chức. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ về công tác BTXH cho lãnh đạo khu phố, tổ dân phố, cộng tác viên công tác xã hội, HỖXDTGXH, HỖXĐMĐKT cấp xã và hộ gia đình nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng.

- Đã tham gia 02 cuộc giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố có nội dung liên quan đến lĩnh vực BTXH.

- Đã tiếp nhận và giải quyết 02 đơn của công dân về lĩnh vực BTXH theo quy định.

- Hàng năm, đã tiến hành rà soát, sắp xếp, phân loại đối tượng, đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý 3.245 đối tượng hưởng trợ cấp BTXH thường xuyên trên địa bàn; đã lưu trữ đầy đủ hồ sơ của đối tượng theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, đã tiếp nhận, xét duyệt, thẩm định và ban hành 2.398 quyết định đối với đối tượng BTXH.

- Đã chỉ đạo phòng LĐTBXH lập sanh sách chi trả, giao kinh phí cho Bureau điện thành phố Cẩm Phả thực hiện chi trả đến đối tượng; quyết toán kinh phí và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, đã bố trí kinh phí và huy động các nguồn tài trợ thực hiện công tác TGXH đối với đối tượng BTXH.

- Đã ban hành kế hoạch và bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến việc thực hiện chính sách TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn.

- Đã ban hành văn bản và chỉ đạo các xã, phường triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với đối tượng BTXH theo Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg. Đã thẩm định và ban hành quyết định phê duyệt, phân bổ kinh phí cho UBND cấp xã để hỗ trợ cho 2.483 đối tượng BTXH, số tiền là 3.708.000.000 đồng; 186 người theo quy định của tỉnh, số tiền là 139.500.000 đồng (từ nguồn vận động của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh).

- Đã tổ chức kiểm tra tại 16 xã, phường thuộc địa bàn thành phố trong việc thực hiện chi trả cho đối tượng BTXH.

1.4. Tại UBND cấp xã

- Đã ban hành văn bản triển khai thực hiện công tác TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn.

- Đã thành lập, kiện toàn HĐXĐMĐKT và HĐXDTGXH.

- Đã tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn

- Đã tổ chức hướng dẫn đối tượng thiết lập hồ sơ, tổ hợp xác định mức độ khuyết tật cho người người khuyết tật, họp xét duyệt TGXH đối với đối tượng BTXH theo quy định.

- Đã ban hành văn bản và hồ sơ gửi Phòng LĐTBXH cấp huyện thẩm định trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn theo quy định.

- Đã phối hợp với hệ thống bưu điện thực hiện việc chi trả trợ cấp thường xuyên cho đối tượng.

- Đã quản lý đối tượng thông qua lập sổ theo dõi đối tượng và file excel, có cập nhật đầy đủ thông tin đối tượng; đã lưu đầy đủ hồ sơ của đối tượng theo quy định.

- Đã triển khai thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến việc thực hiện chính sách TGXH đối với đối tượng BTXH trên địa bàn cấp xã.

- Đã lập danh sách đối tượng BTXH đủ điều kiện hưởng hỗ trợ kinh phí theo Nghị quyết 42/NQ-CP và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg và thực hiện chi trả kinh phí cho đối tượng BTXH trên cơ sở danh sách được phê duyệt.

1.5. Tại Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Ninh

- Có không gian rộng rãi, thoáng mát, có đủ diện tích tối thiểu theo quy định.

- Có đủ diện tích phòng ở cho đối tượng, sắp xếp việc ngủ, nghỉ cho đối tượng phù hợp với độ tuổi, giới tính.

- Có nhà vệ sinh, nhà tắm phù hợp với các nhóm đối tượng.

- Có đầy đủ bếp ăn, nhà ăn chung cho đối tượng, có khu sinh hoạt chung, khu vui chơi cho đối tượng.

- Có trang thiết bị cần thiết cho người khuyết tật và người cao tuổi.

- Có đầy đủ bộ máy của Trung tâm theo quy định: Ban giám đốc, Phòng Hành chính - Kế toán, Phòng Quản lý và Tư vấn, Phòng Y tế - Phục hồi chức năng, Phòng Chăm sóc tự nguyện.

- Đã bố trí 01 nhân viên tâm lý theo quy định.

- Đã bố trí đủ nhân viên y tế theo quy định (03 nhân viên/104 đối tượng).
- Đã trả đủ tiền lương, tiền công, phụ cấp cho viên chức và người lao động theo quy định.
- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.
- Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm đang tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng 86 đối tượng:
 - + Đã tiếp nhận thông tin, nhu cầu của đối tượng; tổ chức sàng lọc và phân loại đối tượng; đánh giá về tâm sinh lý, tình trạng sức khỏe và các nhu cầu của đối tượng; thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng; thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá sự tiến triển của đối tượng; giám sát, đánh giá các hoạt động chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc nếu cần thiết.
 - + Đã tiến hành khám sức khỏe cho các đối tượng khi tiếp nhận vào Trung tâm.
 - + Đã làm thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 100% đối tượng tại Trung tâm.
 - + Đã bố trí khu vực để lao động trị liệu và ký hợp đồng gia công sản phẩm tiền vàng với Công ty TNHH Thương mại THF để tổ chức lao động trị liệu cho các đối tượng.
 - + Đã thực hiện phục hồi chức năng cho đối tượng tâm thần và khuyết tật bằng phương pháp tâm lý trị liệu, vận động trị liệu.
 - + Đã cấp các đồ dùng sinh hoạt cần thiết cho đối tượng.
 - + Đã tổ chức ăn 03 bữa trong ngày (sáng, trưa, chiều) đảm bảo tiêu chuẩn, chế độ cho đối tượng, có thực đơn hàng ngày niêm yết tại bếp ăn.
 - + Đã chi 28.891.009.000 đồng xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng tại Trung tâm.
 - Đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế sử dụng tài sản; quy chế dân chủ ở cơ sở; quy chế quản lý và sử dụng nguồn ủng hộ, từ thiện; quy chế quản lý, tổ chức hoạt động lao động trị liệu.

2. Những quy định của pháp luật chưa được địa phương thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Tại Sở LĐTBXH

Chưa rà soát, sắp xếp, kiện toàn Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh để bảo đảm các tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động theo quy định tại khoản 3 Điều 50 Nghị định số 103/NĐ-CP.

2.2. Tại thành phố Hạ Long

2.2.1. Tại UBND thành phố

- Xác định sai thời điểm hưởng trợ cấp đối với 05 đối tượng, dẫn đến đối tượng hưởng thiếu tiền trợ cấp.

- Chậm điều chỉnh trợ cấp đối với 40 đối tượng khi thay đổi điều kiện hưởng.

2.2.2. Tại UBND phường Bạch Đằng

- Chưa tổng hợp, báo cáo công tác xác định mức độ khuyết tật gửi Phòng LĐTBXH thành phố Hạ Long theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

- Chậm xác lập hồ sơ đề nghị Phòng LĐTBXH thành phố Hạ Long thẩm định điều chỉnh trợ cấp đối với 02 đối tượng khi thay đổi điều kiện hưởng.

2.2.3. Tại UBND phường Hà Trung

- Chưa tổng hợp, báo cáo công tác xác định mức độ khuyết tật gửi Phòng LĐTBXH thành phố Hạ Long theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

- Chậm xác lập hồ sơ đề nghị Phòng LĐTBXH thành phố Hạ Long thẩm định điều chỉnh trợ cấp đối với 04 đối tượng khi thay đổi điều kiện hưởng.

2.3. Tại thành phố Cẩm Phả

2.3.1. Tại UBND thành phố

- Chậm điều chỉnh trợ cấp đối với 02 đối tượng khi thay đổi điều kiện hưởng, gồm: bà Nguyễn Thị Thoa, cư trú tại phường Mông Dương và bà Hà Thị Tang, cư trú tại phường Cửa Ông.

- Chưa chỉ đạo phường Cẩm Tây xác lập hồ sơ để thẩm định và ban hành quyết định điều chỉnh 03 đối tượng khi thay đổi điều kiện hưởng.

2.3.2. tại UBND phường Cẩm Trung

- Chưa tổng hợp, báo cáo công tác xác định mức độ khuyết tật gửi Phòng LĐTBXH thành phố Cẩm Phả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

- Chưa chi trả kinh phí cho Chủ tịch và thành viên HĐXĐMĐKT theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH và Điều 7 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

2.3.3. UBND phường Cẩm Tây

- Chưa tổng hợp, báo cáo công tác xác định mức độ khuyết tật gửi Phòng LĐTBXH thành phố Cẩm Phả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

- Chưa xác lập hồ sơ gửi Phòng LĐTBXH để thẩm định trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định điều chỉnh 03 đối tượng khi thay đổi điều kiện hưởng.

- Chưa chi trả kinh phí cho Chủ tịch và thành viên HĐQTMDKT theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH và Điều 7 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

2.4. Tại Bưu điện thành phố Hạ Long

- Chưa sao gửi UBND cấp xã bản tổng hợp danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi trả và danh sách đối tượng chưa nhận tiền để chuyển chi trả vào tháng sau theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 9 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

- Chưa chi trả trợ cấp hàng tháng kịp thời cho đối tượng thụ hưởng: trong 06 tháng đầu năm 2020, Bưu điện thành phố Hạ Long chưa chi trả kịp thời cho 222 đối tượng, số tiền 130.555.000 đồng

2.5. Tại Bưu điện thành phố Cẩm Phả

- Chưa sao gửi UBND cấp xã bản tổng hợp danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi trả và danh sách đối tượng chưa nhận tiền để chuyển chi trả vào tháng sau theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 9 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

- Chưa chi trả trợ cấp hàng tháng kịp thời cho đối tượng thụ hưởng: trong 08 tháng đầu năm 2020, Bưu điện thành phố Cẩm Phả chưa chi trả kịp thời cho 1.166 người, số tiền 1.510.564.000 đồng.

2.6. Tại Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Ninh

- Chưa bố trí đủ nhân viên công tác xã hội theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng LĐTBXH hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, định mức nhân viên và quy trình và tiêu chuẩn TGXH tại cơ sở TGXH (sau đây gọi tắt là Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH).

- Chưa bố trí đủ nhân viên phụ trách dinh dưỡng theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH.

- Chưa bố trí đủ nhân viên chăm sóc trực tiếp đối tượng tại Trung tâm theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH.

- Chưa bố trí đủ nhân viên phục hồi chức năng theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH.

- Chưa có nội quy riêng của cơ sở TGXH quy định dọn dẹp vệ sinh và vệ sinh cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH.

- Chưa lập kế hoạch dùng trợ giúp và hỗ trợ hòa nhập cộng đồng đối với đối tượng về địa phương sinh sống theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 33/2017/TT-BLĐTBXH.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ninh

1.1. Tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại điểm 2.1 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

1.2. Chỉ đạo Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Ninh thực hiện kiến nghị nêu tại điểm 2.6 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

1.3. Thông báo bằng văn bản về những hạn chế, thiếu sót của các đơn vị có liên quan nêu tại khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này đến các đơn vị cấp huyện, cấp xã, các cơ sở BTXH còn lại trên địa bàn tỉnh để rút kinh nghiệm, tự rà soát, chấn chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách TGXH đối với đối tượng BTXH tại địa phương.

2. Đối với Chủ tịch UBND thành phố Hạ Long

2.1. Tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

2.2. Truy trả số tiền 3.675.000 đồng cho 05 đối tượng do xác định sai thời điểm hưởng so với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP (Chi tiết nêu tại Phụ lục số 02 kèm theo)

2.3. Chỉ đạo UBND phường Bạch Đằng và Hà Trung thực hiện kiến nghị nêu tại tiết 2.2.2 và tiết 2.2.3 điểm 2.2 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

2.4. Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân (nếu có) đã để xảy ra sai sót nêu tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này. Chấn chỉnh công tác lập hồ sơ, quyết định trợ cấp, điều chỉnh trợ cấp cho đối tượng BTXH trên địa bàn đảm bảo đúng thời điểm hưởng khi đủ điều kiện và thay đổi điều kiện.

3. Đối với Chủ tịch UBND thành phố Cẩm Phả

3.1. Tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại tiết 2.3.1 điểm 2.3 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

3.2. Chỉ đạo UBND phường Cẩm Trung và Cẩm Tây thực hiện kiến nghị nêu tại tiết 2.3.2 và tiết 2.3.3 điểm 2.3 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

2.4. Kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, cá nhân (nếu có) đã để xảy ra sai sót nêu tại tiết 2.3.1 điểm 2.3 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này. Chấn chỉnh công tác lập hồ sơ, quyết định trợ cấp, điều chỉnh trợ cấp cho đối tượng

BTXH trên địa bàn đảm bảo đúng thời điểm hưởng khi đủ điều kiện và thay đổi điều kiện.

4. Đối với Chủ tịch UBND các phường được thanh tra

4.1. Đối với chủ tịch UBND phường Bạch Đằng và Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long

Tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại tiết 2.2.2, tiết 2.2.3 điểm 2.2 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

4.2. Đối với Chủ tịch UBND phường Cẩm Trung và Cẩm Tây thuộc thành phố Cẩm Phả

Tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại tiết 2.3.2, tiết 2.3.3 điểm 2.3 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

5. Đối với Giám đốc Bưu điện thành phố Hạ Long

5.1. Tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại điểm 2.4 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

5.2. Sao gửi UBND cấp xã bản tổng hợp danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi trả và danh sách đối tượng chưa nhận tiền để chuyển chi trả vào tháng sau theo quy định.

5.3. Chấn chỉnh công tác chi trả trợ cấp cho đối tượng BTXH trên địa bàn đảm bảo đúng, đủ, kịp thời.

6. Đối với Giám đốc Bưu điện thành phố Cẩm Phả

6.1. Tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại điểm 2.5 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

6.2. Sao gửi UBND cấp xã bản tổng hợp danh sách đối tượng đã nhận tiền, số tiền đã chi trả và danh sách đối tượng chưa nhận tiền để chuyển chi trả vào tháng sau theo quy định.

6.3. Chấn chỉnh công tác chi trả trợ cấp cho đối tượng BTXH trên địa bàn đảm bảo đúng, đủ, kịp thời.

7. Đối với Giám đốc Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Ninh

Tổ chức thực hiện kiến nghị nêu tại điểm 2.6 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này.

V. THỜI HẠN THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ

1. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày ký kết luận thanh tra này: Chủ tịch UBND thành phố Hạ Long và Cẩm Phả; Chủ tịch UBND phường Bạch Đằng và Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long; Chủ tịch UBND phường Cẩm Trung và Cẩm Tây thành phố Cẩm Phả; Giám đốc Bưu điện thành phố Hạ Long và Cẩm Phả;

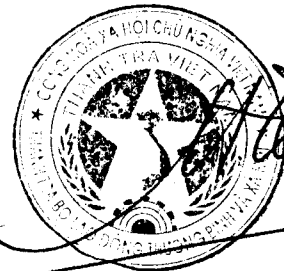
Giám đốc Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Ninh phải tổ chức thực hiện xong các kiến nghị liên quan nêu tại Mục IV Kết luận thanh tra này.

2. Giám đốc Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ninh thực hiện kiến nghị nêu tại khoản 1 Mục IV Kết luận thanh tra này; tổng hợp việc thực hiện kiến nghị của các đơn vị nêu tại khoản 1 Mục V Kết luận thanh tra này, báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra Bộ LĐTBXH (số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 01/12/2020./. *Mhuf*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Ninh (đề c/đ, t/h);
- Sở LĐTBXH tỉnh Quảng Ninh (đề t/h);
- UBND thành phố Hạ Long (đề t/h);
- UBND thành phố Cẩm Phả (đề t/h);
- Bureau điện thành phố Hạ Long (đề t/h);
- Bureau điện thành phố Cẩm Phả (đề t/h);
- Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Ninh (đề t/h);
- Bộ trưởng Đào Ngọc Dung (đề b/c);
- Thứ trưởng Lê Tân Dũng (đề b/c);
- Chánh thanh tra Bộ (đề b/c);
- Cục Bảo trợ xã hội (đề ph/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ;
- Lưu: TTr, TDTX, hồ sơ TTr.

**KT.CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Đàm Thị Minh Thu
Đàm Thị Minh Thu

Phụ lục số 01:

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH

TT	Tên văn bản	Cơ quan ban hành	Nội dung	Ngày ban hành
DANH MỤC CÁC VĂN BẢN DO UBND, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, LIÊN NGÀNH CÁC SỞ BAN HÀNH				
01	Quyết định số 316/2017/QĐ-UBND	UBND	Quy định thực hiện trợ cấp xã hội theo Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh	24/01/2017
02	Quyết định số 236/2017/QĐ-UBND	UBND	Quy định mức trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, mức chi thù lao cho người trực tiếp chi trả chế độ và mức chi cho công tác quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	19/01/2017
03	Nghị quyết số 202/2019/NQ-HĐND	HĐND	về việc nâng chuẩn nghèo đối với 03 địa phương: Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả	30/7/2019
04	Nghị quyết số 203/2019/NQ-HĐND	HĐND	về nâng mức chức thọ, mừng thọ người cao tuổi	30/7/2019
05	Nghị quyết số 229/2019/NQ-HĐND	HĐND	về chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh	7/12/2019
06	Hướng dẫn liên ngành số 367/HDLN/SLDTB XH-STC	Liên ngành Sở LĐTBXH và Sở Tài chính	về việc sửa đổi hướng dẫn liên ngành số 719/HDLN/SLDTB-XH-STC ngày 12/4/2017 (thực hiện mức trợ cấp xã hội)	13/2/2018

07	Hướng dẫn liên ngành số 1116/HD-LN	Liên ngành Sở LĐTBXH và Sở Tài chính	về thực hiện chính sách trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội mở rộng quy định tại Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh	15/5/2018
08	Hướng dẫn liên ngành số 1934/HDLN-SLĐTBXH-STC-SVHTT	Liên ngành Sở LĐTBXH, Sở Tài chính và Sở Văn hóa thể thao	về hướng dẫn thực hiện việc chúc thọ, mừng thọ Người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	27/8/2019
09	Hướng dẫn số 2010/HD-SLĐTBXH	Sở LĐTBXH	hướng dẫn một số nội dung thực hiện xác định mức độ khuyết tật, cấp giấy xác nhận khuyết tật đối với người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	06/9/2019
10	Hướng dẫn liên ngành số 718/HDLN-LĐTBXH-TC-BĐ	Liên ngành Sở LĐTBXH, Sở Tài chính và Bưu điện	hướng dẫn thực hiện chi trả trợ giúp xã hội thông qua hệ thống bưu điện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	12/4/2017
11	Hướng dẫn liên ngành số 87/HDLN-SLĐTBXH-STC-SYT	Liên ngành Sở LĐTBXH, Sở Tài chính và Sở Y tế	hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 229/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	14/01/2020
12	Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND	HĐND	về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 đảm bảo an sinh xã hội và ổn định tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	31/3/2020
13	Công văn số 2359/UBND-TM3	UBND	về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 245/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ khó khăn do tác động của dịch COVID-19	13/4/2020
14	Kế hoạch số 76/KH-UBND	UBND	về triển khai thực hiện hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định	29/4/2020

			số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ	
15	Quyết định số 1393/QĐ-UBND	UBND	về việc ủy quyền ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	29/4/2020
16	Công văn số 1360/LĐTBXH-BTXH	Sở LĐTBXH	về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg về thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	27/4/2020
17	Công văn số 1424/LĐTBXH-VP	Sở LĐTBXH	về việc báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ khó khăn do tác động của dịch COVID-19	04/5/2020
18	Công văn số 1522/SLĐTBXH-BTXH	Sở LĐTBXH	về việc hướng dẫn chi trả hỗ trợ cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	12/5/2020
19	Công văn số 1683/CV-LĐTBXH	Sở LĐTBXH	về việc hướng dẫn các địa phương thành lập Hội đồng xét duyệt cấp xã, Hội đồng xét duyệt cấp huyện thẩm định danh sách thuộc diện được hỗ trợ do bị ảnh hưởng dịch Covid-19	25/5/2020
20	Quyết định số 555/QĐ-LĐTBXH	Sở LĐTBXH	về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid 19	12/5/2020
DANH MỤC VĂN BẢN DO UBND THÀNH PHỐ HẠ LONG BAN HÀNH				
01	Công văn số 2268/UBND-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng “tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam” năm 2017	08/9/2018
02	Kế hoạch số 83/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về triển khai thực hiện xã hội hóa nhà ở cho người khuyết tật, trẻ mồ côi thuộc hộ nghèo, cận nghèo và thực sự không có điều kiện tái tạo nhà ở trên địa bàn huyện Hoành Bồ giai đoạn 2018-2019	16/02/2018

03	Công văn số 522/UBND-LĐT BXH	UBND thành phố Hạ Long	về tổ chức hoạt động hưởng ứng ngày Người khuyết tật Việt Nam 18/4/2018	13/3/2018
04	Công văn số 938-CV/HU	UBND thành phố Hạ Long	về việc chỉ đạo hưởng ứng “ tháng hành động vì Người cao tuổi Việt Nam” năm 2018	12/9/2018
05	Quyết định số 2566/QĐ-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc trích ngân sách huyện để chi công tác tổ chức các hoạt động thăm, tặng quà nhân ngày Quốc tế Người cao tuổi 1/10/2018	24/9/2018
06	Quyết định số 2601/QĐ-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc trích ngân sách huyện để chi chúc mừng thọ, tặng quà Người cao tuổi nhân ngày Quốc tế người cao tuổi 1/10/2018	28/9/2018
07	Quyết định số 2602/QĐ-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc trích ngân sách huyện ủng hộ giúp đỡ người cao tuổi khó khăn thông qua Ban đại diện Hội người cao tuổi tỉnh Quảng Ninh và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh nhân “ tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam”	28/9/2018
08	Kế hoạch số 09/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc đưa đối tượng ăn xin, ăn mày, tâm thần vô gia cư đi lang thang trên địa bàn thành phố Hạ Long vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh và Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần tỉnh Quảng Ninh trước đợt nghỉ Tết âm lịch Kỷ Hợi 2019	08/01/2019
09	Kế hoạch số 74/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện các hoạt động nhân kỷ niệm ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4/2019	19/3/2019
10	Kế hoạch số 109/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền chính sách bảo trợ xã hội năm 2019	17/4/2019
11	Kế hoạch số 99/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc đưa đối tượng ăn xin, ăn mày, tâm thần vô gia cư đi lang thang trên địa bàn thành phố Hạ Long vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh và Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần tỉnh Quảng Ninh trong đợt nghỉ lễ 30/4 và 1/5	05/4/2019

12	Kế hoạch số 266/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc đưa đối tượng ăn xin, ăn mày, tâm thần vô gia cư đi lang thang trên địa bàn thành phố Hạ Long vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh và Bệnh viện Bảo vệ sức khoẻ tâm thần Tỉnh trong đợt nghỉ tết Dương lịch 01/01/2020”	11/12/2019
13	Kế hoạch số 268/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc tập huấn tuyên truyền phổ biến chính sách an sinh xã hội năm 2019	13/12/2019
14	Công văn số 3150/CV-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc đề nghị tiếp nhận đối tượng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn vào nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh	09/5/2019
15	Công văn số 3420/UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc thực hiện Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	20/5/2019
16	Công văn số 3769/CV-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc đề nghị tiếp nhận đối tượng người khuyết tật đặc biệt nặng có hoàn cảnh khó khăn vào nuôi dưỡng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh	30/5/2019
17	Công văn số 4560/UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc lập danh sách người khuyết tật hệ vận động khám sàng lọc thực hiện phẫu thuật vẹo đảo lẹp dụng cụ chỉnh hình năm 2019	24/6/2019
18	Công văn số 9340/UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc chức thọ, mừng thọ nhân dịp đầu xuân Canh Tý năm 2020	04/12/2019
19	Kế hoạch số 100/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc tuyên truyền, triển khai thực hiện các hoạt động nhân kỷ niệm ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4/2020	23/3/2020
20	Kế hoạch số 114/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc đưa đối tượng ăn xin, ăn mày, tâm thần vô gia cư đi lang thang trên địa bàn thành phố Hạ Long vào nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội tỉnh Quảng Ninh và Bệnh viện bảo vệ sức khoẻ tâm thần tỉnh Quảng Ninh trong đợt nghỉ lễ 30/4 và 01/5 năm 2020	10/4/2020
21	Kế hoạch số 135/KH-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 29/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh	29/4/2020

22	Quyết định số 194/QĐ-UBND	UBND thành phố Hạ Long	về việc thành lập Hội đồng thẩm định thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	30/4/2020
23	Quyết định số 208/QĐ-HĐĐTĐ	UBND thành phố Hạ Long	về việc thành lập Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19	08/5/2020
DANH MỤC VĂN BẢN DO UBND THÀNH PHỐ CẨM PHẢ BAN HÀNH				
1	Kế hoạch số 04/KH-UBND	UBND thành phố Cẩm Phả	về việc thăm tặng quà, trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội và tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018	01/01/2018
2	Kế hoạch số 257/KH-UBND	UBND thành phố Cẩm Phả	về việc thăm tặng quà, trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội và tổ chức các hoạt động nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2019	17/12/2019
3	Công văn số 3170/UBND-LĐT BXH	UBND thành phố Cẩm Phả	về thực hiện giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội	09/10/2018
4	Công văn số 3869/UBND-LĐT BXH	UBND thành phố Cẩm Phả	về triển khai thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động – Thương binh và Xã hội	11/10/2019
5	Công văn số 1523/UBND-LĐT BXH	UBND thành phố Cẩm Phả	về tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát thực hiện chính sách bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Cẩm Phả	25/4/2019
6	Thông báo số 377/TB-UBND	UBND thành phố Cẩm Phả	về việc tổ chức tặng quà người cao tuổi nhân tháng hành động vì Người cao tuổi năm 2019	25/9/2019
7	Công văn số 2595/UBND-LĐT BXH	UBND thành phố Cẩm Phả	về việc phối hợp tổ chức thực hiện chương trình trao tặng quà cho trẻ em nghèo, mồ côi, khuyết tật nhân dịp tháng hành động vì trẻ em năm 2020	18/6/2020
8	Công văn số 337/UBND-LĐT BXH	UBND thành phố Cẩm Phả	về việc rà soát, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực chính sách trợ giúp xã hội	06/02/2020

9	Kế hoạch số 93/KH-UBND	UBND thành phố Cẩm Phả	về triển khai thực hiện hỗ trợ người dân gặp khó khăn đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ	04/5/2020
10	Quyết định số 2163/QĐ-UBND	UBND thành phố Cẩm Phả	về việc Thành lập tổ công tác, đoàn kiểm tra, giám sát triển khai chính sách hỗ trợ đối tượng khó khăn do tác động của dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Cẩm Phả	04/5/2020
11	Công văn số 1842/UBND-LĐTĐBXH	UBND thành phố Cẩm Phả	về việc lưu ý rà soát lập danh sách đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ	06/5/2020
12	Quyết định số 2557/QĐ-UBND	UBND thành phố Cẩm Phả	về việc thành lập Hội đồng xét duyệt thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do tác động của dịch Covid -19	29/5/2020

DANH MỤC VĂN BẢN DO UBND PHƯỜNG BẠCH ĐĂNG BAN HÀNH

1	Kế hoạch số 306/KH-UBND	UBND phường Bạch Đằng	về việc triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn phường Bạch Đằng năm 2018	22/6/2018
2	Kế hoạch số 95/KH-BCĐ	Ban chỉ đạo Dân số-Kế HH gia đình	về việc tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi năm 2018	24/9/2018
3	Kế hoạch số 24/KH-UBND	UBND phường Bạch Đằng	về việc tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện các hoạt động nhân kỷ niệm ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4/2019	25/3/2019
4	Kế hoạch số 52/KH-UBND	UBND phường Bạch Đằng	về việc tổ chức hội nghị tuyên truyền phổ biến chính sách trợ giúp xã hội năm 2019	06/5/2019

MD

DANH MỤC VĂN BẢN DO UBND PHƯỜNG HÀ TRUNG BAN HÀNH

1	Kế hoạch số 306/KH-UBND	UBND phường Hà Trung	về việc triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn phường năm 2018	22/6/2018
2	Kế hoạch số 95/KH-BCĐ	Ban chỉ đạo Dân số-Kế hoạch hóa gia đình	về việc tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi năm 2018	24/9/2018
3	Kế hoạch số 24/KH-UBND	UBND phường Hà Trung	về việc tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện các hoạt động nhân kỷ niệm ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4/2019	25/3/2019
4	Kế hoạch số 52/KH-UBND	UBND phường Hà Trung	về việc tổ chức hội nghị tuyên truyền phổ biến chính sách trợ giúp xã hội năm 2019	06/5/2019

DANH MỤC VĂN BẢN DO UBND PHƯỜNG CẨM TRUNG BAN HÀNH

1	Kế hoạch số 06/KH-UBND	UBND phường Cẩm Trung	về việc thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018	24/01/2018
2	Kế hoạch số 63a/KH-UBND	UBND phường Cẩm Trung	về việc tổ chức kỷ niệm 71 năm ngày thương binh liệt sỹ	25/6/2018
3	Kế hoạch số 08/KH-UBND	UBND phường Cẩm Trung	về việc thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019	28/1/2019
4	Kế hoạch số 05/KH-UBND	UBND phường Cẩm Trung	về việc thăm tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020	22/01/2020

DANH MỤC VĂN BẢN DO UBND PHƯỜNG CẨM TÂY BAN HÀNH

1	Kế hoạch số 10/KH - UBND	UBND phường Cẩm Tây	về tổ chức viếng nhà bia, thăm quàn Tết các đối tượng chính sách – xã hội nhân dịp tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018	22/01/2018
2	Kế hoạch số 01/KH – UBND	UBND phường Cẩm Tây	về tổ chức viếng nhà bia, thăm quàn Tết các đối tượng chính sách – xã hội nhân dịp tết nguyên đán Kỷ Hợi năm 2019	04/01/2019
3	Kế hoạch số 82/KH – UBND	UBND phường Cẩm Tây	về tổ chức viếng nhà bia, thăm quàn Tết các đối tượng chính sách – xã hội nhân dịp tết nguyên đán Canh Tý năm 2020	27/12/2019
4	Kế hoạch số 26/KH – UBND	UBND phường Cẩm Tây	về chăm sóc sức khỏe cho Người cao tuổi năm 2019	15/8/2019
5	Kế hoạch số 46/KH – TYT	UBND phường Cẩm Tây	về triển khai các hoạt động phục hồi chức năng cho Người khuyết tật năm 2020	15/6/2020



Phụ lục số 02 :

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Đơn vị tính: 1000đ

Stt	Nội dung	Kinh phí toàn tỉnh	Kinh phí tại thành phố Hạ Long			Kinh phí tại thành phố Cẩm Phả		
			Kinh phí toàn thành phố	Kinh phí tại phường Bạch Đằng	Kinh phí tại phường Hà Trung	Kinh phí toàn thành phố	Kinh phí tại phường Cẩm Tây	Kinh phí tại phường Cẩm Trung
Năm 2018								
I	Tổng thu	218.674.878	46.260.157	46.400	60.778	21.729.306	62.760	25.400
1	Nguồn ngân sách	218.674.878	44.906.157	46.400	45.568	20.335.006	62.760	25.400
2	Nguồn vận động, tài trợ		1.354.000		15.210	1.394.300		
II	Tổng chi	218.674.878	46.260.157	46.400	60.778	21.729.306	62.760	25.400
1	Kinh phí trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng, hỗ trợ nhận chăm sóc tại cộng đồng	209.989.722	43.122.570			19.621.262		
2	Kinh phí thực hiện chính sách chi trả	1.780.000	431.100			132.000		
3	Kinh phí tuyên truyền, xét duyệt đổi tượng	609.728	127.772	5.000	6.320	102.300		
4	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin	55.340	25.340					
5	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	46.000						
6	Kinh phí kiểm tra, giám sát	269.663	118.106			5.890		
7	Chi khác (VPP, tập huấn, quản lý...)	3.827.305	783.149			326.554		

8	Kinh phí thực hiện chính sách cho người cao tuổi				41.400	54.458		62.760	25.400
9	Kinh phí hỗ trợ nuôi dưỡng trẻ em		16.000				216.000		
10	Kinh phí hỗ trợ học bổng		95.000				150.000		
11	Kinh phí hỗ trợ góc học tập		113.000				41.100		
12	Kinh phí hỗ trợ mua xe đạp		30.000				27.200		
13	Kinh phí hỗ trợ nhà ở		1.100.000				960.000		
14	Kinh phí thực hiện cứu trợ đột xuất	2.097.120	298.120				147.000		
Năm 2019									
I	Tổng thu	237.268.233	50.000.026	33.600	73.726	22.056.069	83.395	24.000	
1	Nguồn ngân sách	237.268.233	48.751.026	33.600	29.440	20.648.269	83.395	24.000	
2	Nguồn vận động, tài trợ		1.249.000		44.286	1.407.800			
II	Tổng chi	237.268.233	50.000.026	33.600	73.726	22.056.069	83.395	24.000	
1	Kinh phí trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng, hỗ trợ nhận chăm sóc tại cộng đồng	230.112.302	46.734.367			19.908.855			
2	Kinh phí thực hiện chính sách chi trả	1.791.000	426.500			135.750			
3	Kinh phí tuyên truyền, xét duyệt đối tượng	835.069	263.750	5.000	6.500	90.720			
4	Kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin	47.570	47.570						
5	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	39.000							

6	Kinh phí kiểm tra, giám sát	264.695	63.480			7.500			
7	Chi khác (VPP, tập huấn, quản lý...)	3.328.937	852.639			364.444			
8	Kinh phí thực hiện chính sách cho người cao tuổi			28.600	67.226			83.395	24.000
9	Kinh phí hỗ trợ nuôi dưỡng trẻ em		16.500			180.000			
10	Kinh phí hỗ trợ học bổng		90.000			180.000			
11	Kinh phí hỗ trợ góc học tập		113.000			27.400			
12	Kinh phí hỗ trợ mua xe đạp		30.000			20.400			
13	Kinh phí hỗ trợ nhà ở		1.000.000			1.000.000			
14	Kinh phí thực hiện cứu trợ đột xuất	849.660	362.220			141.000			
Năm 2020									
I	Tổng thu	129.960.616	39.200.661	84.300	71.084	28.566.943	8.770	117.600	
1	Nguồn ngân sách	129.960.616	38.546.661	84.300	55.780	23.930.320	8.770	117.600	
2	Nguồn vận động, tài trợ		654.000		15.304	4.636.623			
II	Tổng chi (đến thời điểm thanh tra)	129.960.616	24.382.047	69.300	71.084	15.799.009	8.770	-	
1	Kinh phí trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng, hỗ trợ nhận chăm sóc tại cộng đồng	126.264.898	22.748.575			12.042.554			
2	Kinh phí thực hiện chính sách chi trả	899.250	306.000			77.750			
3	Kinh phí tuyên truyền, xét duyệt đối tượng	10.020							

Phụ lục số 03:

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG CHẤM ĐIỀU CHÍNH

TT	Họ và tên	Ngày/ tháng/ năm sinh	Địa chỉ	Diện đối tượng phải điều chỉnh	Số tháng chấm điều chính
I Tại thành phố Hạ Long					
1	Dương Xuân Thu	10/02/1957	Bãi Cháy - Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	26
2	Tô Thị Phương	06/01/1957	Bãi Cháy - Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	27
3	Đào Thị Thủy	00/00/1958	Giếng Dáy - Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	15
4	Nguyễn Thanh Cường	00/00/1959	Hà Khẩu- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	3
5	Vũ Văn Đăng	00/00/1959	Hùng Thắng- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	3
6	Phạm Thị Lan	00/00/1959	Tuần Châu- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	3
7	Đinh Khắc Lệ	00/00/1958	Yết Kiêu- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	15

8	Vũ Thị Tuyên	12/5/1958	Yết Kiêu- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	11
9	Nguyễn Thị Tuất	08/05/1958	Trần Hưng Đạo- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	11
10	Phạm Văn Bảy	17/6/1958	Cao Xanh- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	10
11	Trần Thăng Hội	21/9/1958	Cao Xanh- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	7
12	Lê Thị Chậm	18/10/1958	Hà Khánh- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	6
13	Lê Thị Xoan	16/06/1957	Hà Khánh- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	22
14	Nguyễn Thị Kim	30/06/1958	Hà Khánh- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	10
15	Phạm Đình Bang	21/09/1958	Cao Thắng- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	7
16	Trần Thị Gái	01/05/1958	Hà Lâm- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	11
17	Hà Văn Thiều	01/10/1958	Thống Nhất- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	11
18	Đỗ Văn Cường	06/02/1959	Thống Nhất- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang người cao tuổi	7

19	Phạm Văn Diến	12/8/1959	Sơn Dương- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	3
20	Phạm Văn Phục	00/00/1956	Bãi Cháy- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	39
21	Hoàng Văn Thơm	01/01/1959	Thống Nhất- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	8
22	Lưu Thị Yên	20/11/1957	Hồng Gai- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	17
23	Vũ Minh Long	07/12/1956	Trần Hưng Đạo- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	28
24	Hà Thị Dung	03/09/1958	Hà Lâm- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	7
25	Nguyễn Thị Kim Loan	01/01/1959	Hà Lâm- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	3
26	Nguyễn Thành Công	28/7/1958	Thị trấn Trới- Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	2
27	Phạm Thị Cừu	25/2/1929	Thị trấn Trới- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	1
28	Dương Trưng Linh	10/02/1982	Thị trấn Trới- Hạ Long	Hộ gia đình chăm sóc	1
29	Phạm Thanh Thảo Nguyễn	21/7/2015	Thị trấn Trới- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	1
30	Từ Thị Lương	14/3/1981	Thị trấn Trới- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng	1

31	Phạm Thị Hồng	01/5/1992	Đại Yên-Hạ Long	Người khuyết tật đang mang thai	1
32	Lưu Thị Luyện	09/09/1957	Hà Lâm- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	31
33	Trần Thị Ngọc	10/8/1959	Sơn Dương- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	3
34	Trần Thị Hồng	30/08/1958	Bạch Đằng- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	8
35	Trần Đức Thắng	07/01/1959	Bạch Đằng- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	3
36	Vũ Quang Hiệp	06/08/2002	Giếng Đáy- Hạ Long	Khuyết tật nặng là trẻ em	7
37	Lê Đức Anh	28/12/2002	Hà Lâm- Hạ Long	Khuyết tật nặng là trẻ em	3
38	Vũ Thùy Linh	25/1/2003	Hà Khẩu- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em	2
39	Lê Thị Thoa (Nhận nuôi cháu Đinh Thị Ngọc Anh, hết tuổi trẻ em từ tháng 2/2018)	01/03/1939	Bạch Đằng- Hạ Long	Hộ gia đình nuôi dưỡng	14
40	Lê Văn Thanh	30/10/1958	Hà Trung- Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	6
II	Tại phường Bạch Đằng, phường Hà Trung thuộc thành phố Hạ Long				



1	Vũ Văn Toan	09/3/1957	Bạch Đằng - Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	22
2	Trần Thị Hồng Minh	26/12/1959	Bạch Đằng - Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	9
3	Lê Văn Thanh	30/10/1958	Hà Trung - Hạ Long	Khuyết tật đặc biệt nặng sang khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi	6
4	Nguyễn Khắc Nga	01/01/1958	Hà Trung - Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	2
5	Phạm Thị Là	21/6/1958	Hà Trung - Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	1
6	Phạm Thị Dung	11/01/2002	Hà Trung - Hạ Long	Khuyết tật nặng sang khuyết tật nặng là người cao tuổi	2
7	Nguyễn Văn Minh	01/12/1937	Hà Trung - Hạ Long	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu và trợ cấp BHXH	4
III Tại phường Cẩm Tây thuộc thành phố Cẩm Phả					
1	Phạm Đức Chung	03/5/2004	Cẩm Tây - Cẩm Phả	Hết diện trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	3
2	Ngô Trung Kiên	22/11/2003	Cẩm Tây - Cẩm Phả	Hết diện trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	9
3	Nguyễn Ngọc Hân	08/9/2003	Cẩm Tây - Cẩm Phả	Hết diện trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	11

Handwritten signature or mark.

Phụ lục số 04:

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG THIỂU TIỀN TRỞ CẤP
DO XÁC ĐỊNH SAI THỜI ĐIỂM HƯỞNG TẠI THÀNH PHỐ HẠ LONG**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số quyết định	Ngày ban hành quyết định	Thời điểm hưởng theo quyết định	Thời điểm hưởng theo quy định	Số tiền hưởng thiếu
1	Vũ Thị Dần	1950	186	29/01/2018	02/2018	01/2018	700.000
2	Phạm Thị Hiền	1948	187	29/01/2018	02/2018	01/2018	700.000
3	Lưu Ngọc Quý	1957	188	29/01/2018	02/2018	01/2018	700.000
4	Hà Anh Tuấn	2011	191	29/01/2018	02/2018	01/2018	875.000
5	Vũ Ngọc Tuấn	2011	190	29/01/2018	02/2018	01/2018	
Tổng số tiền hưởng thiếu							3.675.000

